TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2019/HS-ST
Ngày: 25-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Nguyễn Ngọc Cảnh;
- Ông Thái Văn Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lụa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 212/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thanh T, sinh ngày 13 tháng 8 năm 1992 tại Thành phố H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 5, khu phố 8, thị trấn C, huyện C, Thành phố H; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Ngô Thị Ngọc T; bị cáo có vợ tên Trần Thị Kim C, có 01 con sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 17/7/2019 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Võ Duy P, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1987 tại Thành phố H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã N, huyện C, Thành phố H; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn H (chết) và bà Trần Thị N; bị cáo có vợ tên Huỳnh Thị Kim L, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 17/7/2019 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Trần Văn H, sinh năm: 1965 (Có mặt);
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 8, thị trấn C, huyện C, Thành phố H.
Tạm trú: Số 231, đường số 572, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn L, sinh năm: 1998 (Xin vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 8, thị trấn C, huyện C, Thành phố H.

Tạm trú: Số 231, đường số 572, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh T, Võ Duy P và Trần Văn L là bạn bè quen biết nhau từ trước. Ngày 13/5/2019, L nói với T và P là nhà Lập mới bán đất nên có tiền, khi nghe L nói vậy T và P nảy sinh ý định trộm cắp tiền của nhà L. Ngày 16/5/2019, L điều khiển xe Wave (không nhớ biển số) đến nhà T chơi, biết L treo chìa khóa trên xe nên T rủ P mượn xe của L nhằm thực hiện ý định lấy trộm tiền, khi mượn được xe, T điều khiển xe của L chở theo P đến nhà ông Trần Văn H (cha của L) tại ấp Đ, xã T, huyện C, sau đó dùng chìa khóa L treo trên xe mở cửa cổng, cửa nhà và cửa phòng của ông H. Khi vào được phòng ông H, T dùng tay kéo cửa tủ sắt đựng quần áo ra để P đưa tay vào trong lấy số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) để trong túi áo khoát treo trong tủ. Lấy tiền xong T chở P mang xe máy trả cho L và cả hai bắt xe qua cửa khẩu đánh bạc thua hết số tiền đã trộm được. Ngày 18/6/2019, ông H đến Công an xã T, huyện C trình báo sự việc.

Về dân sự: Ông H yêu cầu T và P bồi thường số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), gia đình T đã bồi thường 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), gia đình P đã bồi thường 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số 194/CT-VKS ngày 12 tháng 11 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố H đã truy tố bị can Nguyễn Thanh T và Võ Duy P về tội "Trộm cắp tài sản" theo Điểm a Khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Thanh T thừa nhận hành vi phạm tội và khai rằng: Ngày 13/5/2019, L đến nhà bị cáo chơi, bị cáo nghe được nhà L mới bán đất có tiền, trong nhà hiện có 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) ba L để trong tủ quần áo ở phòng ngủ. Ngày 16/5/2019, do thiếu tiền tiêu xài và nợ tiền giang hồ nên bị cáo rủ P đến nhà L ăn trộm tiền. P đồng ý và đi lại tiệm game mượn xe của L để chạy tới nhà L ăn trộm vì bị cáo biết L treo chìa khóa nhà trên xe. Sau khi P mượn xe xong, bị cáo chở P đến nhà L, lúc này nhà L không có ai nên bị cáo dùng chìa khóa mở cửa cổng và cửa nhà đi thẳng vào phòng ngủ của ba L là ông Trần Văn H mở khóa phòng ngủ, bị cáo lục mùng, mền, nệm, gối nhưng không có tiền, bị cáo thò tay vào cánh tủ sắt bên trái nhưng do tay to, bị cáo kêu P thò tay vào tìm tài sản còn bị cáo dùng hai tay nắm cánh cửa tủ kéo mạnh ra, P lục trong túi áo khoác được 04 cọc tiền đều mệnh giá 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng), bị cáo biết mỗi cọc tiền trị giá 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Lấy được tiền xong bị cáo cùng P chạy về nhà bị cáo, P mang xe trả lại cho L còn bị cáo đến quán nước gần nhà nằm chờ bị cáo P. Khoảng 01 giờ sau bị cáo và bị cáo P thuê xe đi casino ở cửa khẩu Thomo (Long A) đánh bài thua hết, mỗi ván bài bị cáo đặt cược từ 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) đến 5.000.000đ (Năm triệu

đồng), bị cáo chơi khoảng 05, 06 ván và có 01 ván bài bị cáo đặt cược 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Khi người của casino kiểm lại tiền thì báo với bị cáo là thiếu 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Ngày 19/5/2019, bị cáo và P đến nhà L chơi, ba của L là ông Trần Văn H có hỏi nên bị cáo và P thừa nhận có trộm tiền của ông H và hứa trả lại đầy đủ. Ông H thương tình cho bị cáo và P viết giấy nợ và hứa trả trong vòng 15 ngày. Đến nay gia đình bị cáo đã trả lại cho ông H 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), còn gia đình P chỉ mới trả được 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) nên ông H mới đi báo Công an. Việc lấy trộm tiền của ông H chỉ có bị cáo và bị cáo P thực hiện, không còn ai khác tham gia.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Duy P thừa nhận hành vi phạm tội và khai rằng: Do bị giang hồ đòi nợ nên khi bị cáo T rủ tới nhà L trộm tiền vì T nghe được thông tin ở nhà ba L còn 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền bán đất, lúc đầu bị cáo chần chờ không dám đi vì sợ bị bắt nhưng sau đó nghĩ lại, bị cáo mượn xe của L và được T chở tới nhà L trộm tiền. Thế là người mở cửa cổng, cửa nhà và cửa phòng ngủ của ông H. T lục trên giường ngủ, trong mền, gối nhưng không thấy tiền, sau đó T đưa tay vào tủ quần áo nhưng do tay to quá nên T dùng tay kéo cửa tủ ra còn bị cáo đưa tay phải vào bên trong tủ lục và đụng rất nhiều tiền, T có hỏi bao nhiêu, bị cáo nói 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), bị cáo nói lấy 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) thôi nhưng T kêu lấy nhanh không thôi ba L về, bị cáo nghe vậy nên rút hết 04 cọc tiền toàn mệnh giá 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) trong túi áo khoát. Lấy tiền xong cả hai khóa cửa tủ lại như ban đầu và T chở bị cáo đi trả xe cho L, sau đó cả hai thuê xe ô tô 04 chỗ với giá 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng) đi qua cửa khẩu Thomo (Long A) đến casino đánh bạc thua hết tiền, bị cáo đánh thắng nhiều hơn thua, còn T đánh toàn thua phải mượn thêm tiền của bị cáo có được từ việc thắng bài, khi người của casino kiểm lại tiền thì có nói thiếu 06 (Sáu) tờ 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng). Ngày 19/5/2019 bị cáo và T đến nhà ông H thú nhận sự việc và hứa sẽ trả tiền cho ông H, ông H bắt buộc bị cáo viết giấy nợ, bản thân bị cáo không mượn tiền của ông H. Gia đình bị cáo đã trả cho ông H được 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), còn lại 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) chưa trả được, vì lúc chơi bài bị cáo có cho T mượn tiền nên bị cáo yêu cầu T phải phụ bị cáo trả số tiền trộm cắp 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) cho ông H, mỗi người trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), bị cáo không đồng ý trả một mình, sau vụ việc này bị cáo và T không còn bạn bè gì nữa. Việc lấy trộm tiền của ông H chỉ có bị cáo và T thực hiện, không còn ai khác tham gia.

Tại phiên tòa, bị hại là ông Trần Văn H trình bày: Khoảng đầu tháng 5/2019, ông bán đất được 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng), ông gửi tiết kiệm và trả nợ hết 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng), còn lại 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) gồm 04 cọc tiền, mỗi cọc có 100 tờ mệnh giá 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) ông để trong túi áo khoát treo ở trong ngăn tủ sắt phía bên trái trong phòng ngủ của ông và có nói cho con trai là Trần Văn L biết. Trưa ngày 16/5/2019 ông là người rời khỏi nhà sau cùng để đi làm, khoảng 18 giờ 00 phút ông về nhà thì thấy 02 con ông là Trần Văn L và Trần Thị Kim Y đang ngồi chơi, ông đi vào phòng ngủ thì thấy cánh tủ sắt bên trái có dấu hiệu bất thường, ông dùng tay mở cửa tủ kiểm tra lại thì thấy số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) không còn. Ông có hỏi các con nhưng các con ông nói không biết, ông đến Công an xã T trình báo. Ngày 19/5/2019 T và P đến nhà ông

chơi và thừa nhận đã lấy trộm số tiền trên bằng cách mượn xe có treo sẵn chìa khóa nhà của con trai ông để tới nhà ông trộm tiền. Cả hai hứa trả lại tiền cho ông và có viết giấy nợ nên ông không báo Công an, tuy nhiên sau đó cả hai không thực hiện đúng như lời hứa, ông đã đến Công an xã T trình báo. Hiện ông đã nhận được số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) do gia đình T trả, còn gia đình P chỉ mới trả được cho ông 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), ông yêu cầu T và P phải trả tiếp cho ông 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) còn lại. Về chiếc xe T và P mượn của con trai ông để đi trộm cắp, ngày 19/5/2019 sau khi T và P hứa trả lại tiền, T nói ông bán xe cho T để T đi làm kiếm tiền trả nợ cho ông, ông đã bán xe cho T với giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng), sau đó T tiếp tục bán xe cho người khác nên hiện nay chiếc xe không còn.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn L xin vắng mặt, lời khai của ông L tại cơ quan cảnh sát điều tra thể hiện ngày 13/5/2019, ông có đến nhà T chơi và có khoe với em của T là nhà ông mới bán đất có tiền, đến khoảng 18 giờ 00 phút ngày 16/5/2019 khi ông và em gái đang ở nhà, ba ông đi làm về vô trong phòng ngủ, còn ông đi chơi game, sau đó ba ông điện thoại cho ông nói mất số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), ông hoàn toàn không biết gì và cũng không tham gia vào vụ trộm cắp. Do T và P hứa trả lại tiền nhưng không giữ đúng lời hứa nên ba ông mới tố cáo ra Công an, còn chiếc xe T và P mượn của ông ba ông đã bán lại cho Thế vào ngày 19/5/2019.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi giữ quyền công tố phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 173 và Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T mức án từ 07 (Bảy) năm đến 08 (Tám) năm tù.

- Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 173 và Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Võ Duy P mức án từ 07 (Bảy) đến 08 (Tám) năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng Điều 32 và Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về nghĩa vụ dân sự: Áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Thanh T và Võ Duy P có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Bị cáo Nguyễn Thanh T tranh luận, tự bào chữa: Bị cáo và P biết nhà L có 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) do nghe L nói nhưng tại casino, khi được người ở casino báo bị cáo và P mới biết chỉ lấy trộm được 198.500.000đ (Một trăm chín mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng), thiếu 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng), khi lấy được tiền bị cáo đinh ninh là lấy được tổng cộng 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố bị cáo ở Khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 bị cáo không đồng ý, gia đình bị cáo đã trả cho ông H 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nên không đồng ý trả thêm nữa.

Bị cáo Võ Duy P tranh luận, tự bào chữa: Khi T rủ bị cáo đến nhà L trộm tiền, T có nói nhà L có 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Bị cáo nghĩ là bị cáo và T trộm được 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) gồm 04 (Bốn) cọc toàn mệnh giá 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng), bị cáo là người giữ 04 (Bốn) cọc tiền và để trong túi quần. Tuy nhiên khi qua casino chơi thì thiếu 06 (Sáu) tờ 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng), bị cáo không biết tại sao. Bị cáo đánh bài thắng nhiều hơn thua, T có mượn tiền bị cáo thắng bài để chơi tiếp và thua hết nên bị cáo chỉ đồng ý trả cho ông H 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), Thế phải trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Bị hại Trần Văn H tranh luận: Ông vô tình nói cho con trai biết nhà có số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) nên mới xảy ra sự việc ngày hôm nay, số tiền này ông dành dụm để về quê sinh sống, do đó ông yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tranh luận: Tại phiên tòa, bị cáo T và P đã thừa nhận các bị cáo đến nhà ông Trần Văn H nhằm mục đích trộm số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) vì các bị cáo biết được thông tin ông H để 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) trong tủ quần áo từ trước. Sau khi lấy trộm tiền, các bị cáo đi thẳng qua casino đánh bạc và tại casino, các bị cáo mới phát hiện số tiền các bị cáo lấy trộm không đủ 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), tuy nhiên đây chỉ là lời khai của các bị cáo. Ý thức và mục đích ban đầu của các bị cáo là đến nhà bị hại để trộm số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), việc 04 cọc tiền có đủ 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) hay không là ngoài mong muốn của các bị cáo, như vậy hành vi của 02 bị cáo để đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm buộc tội đối với các bị cáo là đúng quy định.

Bị cáo Nguyễn Thanh T nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản của mình là sai, bị cáo mong Hội đồng xét xử xử mức án nhẹ.

Bị cáo Võ Duy P nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản của mình là sai, bị cáo mong Hội đồng xét xử xử mức án nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Võ Duy P có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) của ông Trần Văn H, tại phiên tòa tuy các bị cáo khai số tiền trộm được không đủ 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) nhưng về ý

thức các bị cáo biết nhà bị hại có số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và mục đích các bị cáo đến nhà ông H nhằm chiếm đoạt số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), tại các biên bản hỏi cung bị can và các lời khai, các bị cáo đều thừa nhận số tiền chiếm đoạt là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Do đó có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo trộm số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) của bị hại, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T và Võ Duy P về tội "Trộm cắp tài sản" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thanh T và Võ Duy P là nguy hiểm cho xã hội, vì mục đích có tiền tiêu xài mà các bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi của các bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội, gây ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo nhận thức rõ việc bị cáo chiếm đoạt tài sản là sai trái, phạm pháp nhưng bị cáo vẫn ngang nhiên đi đến hành động phạm tội nhằm thoả mãn động cơ tư lợi của cá nhân bị cáo, do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý bị cáo bằng một hình phạt nghiêm khắc và cách ly ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tại cơ quan điều tra. Tại phiên tòa, ban đầu các bị cáo không thừa nhận chiếm đoạt số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) của bị hại nhưng sau đó, các bị cáo đã thừa nhận mục đích ban đầu của các bị cáo là đến nhà bị hại để trộm số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, xét tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào về hình phạt là có căn cứ.

Ngoài ra, sau khi phạm tội, các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái nên đã nhờ gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) nên Hội đồng xét xử xét cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 trước khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

Trong vụ án, bị cáo T là người chủ mưu, rủ rê bị cáo P đi đến hành động phạm tội, do đó bị cáo T phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo P là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Võ Duy P không có nghề nghiệp nên Hội đồng xét xử xét không cần thiết buộc các bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về nghĩa vụ dân sự:

Hội đồng xét xử xét tại phiên tòa, bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) là có cơ sở để xem xét. Trong vụ án,

bị cáo T giữ vai trò chủ mưu, rủ rê bị cáo P phạm tội nên bị cáo T phải bồi thường thêm cho bị hại 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bị cáo P phải bồi thường thêm cho bị hại 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), phù hợp với các quy định tại Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về chiếc xe máy hiệu Wave không rõ biển số bị cáo T và bị cáo P mượn của Trần Văn L, sau khi trộm cắp các bị cáo đã trả lại cho L, sau đó ông Trần Văn H bán xe cho bị cáo T và bị cáo T đã bán lại xe cho người khác trước khi ông H trình báo với cơ quan công an, quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý hình sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Võ Duy P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a, Điểm g Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Võ Duy P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ vào Điểm a Khoản 3 Điều 173 và Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2019.

- Căn cứ vào Điểm a Khoản 3 Điều 173 và Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Duy P mức án 07 (Bảy) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 17/7 /2019.

- Căn cứ vào Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu của bị hại là ông Trần Văn H.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Văn H số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo Võ Duy P có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Văn H số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Trần Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Võ Duy P chậm trả tiền thì bị cáo T, bị cáo P phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điểm a, Điểm g Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Võ Duy P mỗi bị cáo phải chịu là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng);

+ Án phí dân sự sơ thẩm buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu là 1.000.000đ (Một triệu đồng);

+ Án phí dân sự sơ thẩm buộc bị cáo Võ Duy P phải chịu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA